

Số: 25 /QĐ-THCSKĐ

Hồng Gai, ngày 06 tháng 8 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

V/v công bố công khai sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Quy chế chi tiêu nội bộ năm 2025

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG THCS KIM ĐỒNG

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 12/QĐ-UBND ngày 01/7/2025 của UBND phường Hồng Gai về việc thành lập trường THCS Kim Đồng;

Căn cứ Quyết định số 20/QĐ -THCSKĐ ngày 01/08/2025 của trường THCS Kim Đồng về việc sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Quy chế chi tiêu nội bộ năm 2025 ;

Xét đề nghị của bộ phận kế toán.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Quy chế chi tiêu nội bộ năm 2025 .

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Bộ phận kế toán và các ông (bà) có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- UBND phường Hồng Gai;
- Lưu: VT, KT.



Nguyễn Thị Thu Lương

Số: 20 /QĐ-THCSKĐ

Hồng Gai, ngày 01 tháng 8 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế Chi tiêu nội bộ ban hành
kèm theo Quyết định số 18/QĐ-THCS ngày 15/01/2025
của Trường THCS Kim Đồng**

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG THCS KIM ĐỒNG

Căn cứ Luật ngân sách Nhà nước số 83/2015/QH13; Số 89/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ về quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Thông tư số 56/2022/TT-BTC ngày 16 tháng 9 năm 2022 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung về cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập; xử lý tài sản, tài chính khi tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Nghị định số 111/2025/NĐ-CP ngày 22/5/2025 của Chính phủ sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ về quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Quyết định số 12/QĐ-UBND ngày 01/7/2025 của UBND phường Hồng Gai về việc thành lập trường Trung học cơ sở Kim Đồng thuộc Ủy ban nhân dân phường Hồng Gai, tỉnh Quảng Ninh;

Căn cứ Quyết định số 14/QĐ-UBND ngày 02/7/2025 của UBND phường Hồng Gai về việc giao dự toán thu ngân sách nhà nước, chi ngân sách phường Hồng Gai năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 145/2020/NĐ-CP ngày 14/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Bộ luật Lao động về điều kiện lao động và quan hệ lao động;

Thông tư số 05/2025/TT-BGDĐT ngày 07/3/2025 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định chế độ làm việc đối với giáo viên phổ thông, dự bị đại học;

Thông tư liên tịch số 07/2013/TTLT-BGDĐT-BNV-BTC của Bộ Nội vụ-Bộ Tài chính -Bộ Giáo dục và Đào tạo ngày 08/3/2013 : Hướng dẫn thực hiện chế độ trả lương dạy thêm giờ đối với nhà giáo trong các cơ sở giáo dục công lập;

Căn cứ Thông tư số 40/2017/TT-BTC ngày 28/4/2017 của Bộ Tài chính về quy định chế độ công tác phí, chế độ hội nghị; Thông tư số 12/2025/TT-BTC ngày 19/3/2025 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 40/2017/TT-BTC ngày 28 tháng 4 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy

định chế độ công tác phí, chế độ hội nghị; Nghị quyết số 62/2025/NQ-HĐND ngày 17/7/2025 về việc quy định mức chi công tác phí, chi hội nghị đối với các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, các tổ chức hội sử dụng kinh phí do ngân sách nhà nước hỗ trợ thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Quảng Ninh;

Căn cứ Nghị quyết số 138/2018/NQ-HĐND ngày 07/12/2018 quy định mức chi đào tạo, bồi dưỡng CBCCVC trong nước trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh;

Căn cứ Thông tư số 36/2018/TT-BTC ngày 30/3/2018 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí dành cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức; Thông tư 06/2023/TT-BTC ngày 31/01/2023 của Bộ Tài Chính sửa đổi, bổ sung một số Điều của Thông tư số 36/2018/TT-BTC ngày 30/3/2018 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí dành cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức

Căn cứ Nghị quyết số 07/2022/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 quy định nội dung, mức chi tổ chức các kỳ thi, cuộc thi, hội thi trong lĩnh vực giáo dục của tỉnh Quảng Ninh;

Căn cứ Quyết định số 3711/QĐ-UBND ngày 17/12/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh ban hành danh mục tài sản mua sắm tập trung đối với các cơ quan, đơn vị, địa phương thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Quảng Ninh;

Xét đề nghị của bộ phận kế toán nhà trường,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế Chi tiêu nội bộ ban hành kèm theo Quyết định số 18/QĐ-THCS ngày 15/01/2025 trường THCS Kim Đồng, cụ thể:

1. Sửa đổi, bổ sung điểm 1.2, khoản 1 điều 4 như sau:

"1.2 Chế độ trả lương dạy thêm giờ đối với nhà giáo trong các cơ sở giáo dục công lập :

+ Chi thanh toán chế độ trả lương dạy thêm giờ đối với nhà giáo theo Thông tư số 07/2013/TTLT-BGDĐT-BNV-BTC : - Giáo viên dạy đủ số giờ theo quy định của Bộ GD&ĐT tại Thông tư số 05/2025/TT-BGDĐT ngày 07/3/2025 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định chế độ làm việc đối với giáo viên phổ thông, dự bị đại học: 35 tuần thực dạy x 19 tiết/ tuần = 665 tiết/năm học;

- Chỉ thanh toán tiền lương dạy thêm giờ ở bộ môn thiếu số lượng giáo viên do cấp có thẩm quyền phê duyệt. Bộ môn không thiếu giáo viên thì chỉ được thanh toán tiền lương dạy thêm giờ khi có giáo viên nghỉ ốm, nghỉ thai sản

theo quy định của Luật Bảo hiểm xã hội hoặc đi học tập, bồi dưỡng, tham gia đoàn kiểm tra, thanh tra và tham gia những công việc khác (sau đây gọi chung là đi làm nhiệm vụ khác) do cấp có thẩm quyền phân công, điều động phải bố trí giáo viên khác dạy thay.

- Thời gian không trực tiếp tham gia giảng dạy nhưng được tính hoàn thành đủ số giờ giảng dạy và được tính vào giờ dạy quy đổi, bao gồm: thời gian nghỉ ốm, nghỉ thai sản theo quy định của Luật Bảo hiểm xã hội thời gian đi làm nhiệm vụ khác do cấp có thẩm quyền phân công, điều động.

- Số giờ dạy thêm được tính trả tiền lương dạy thêm giờ theo quy định tại Thông tư số 07/2013/TTLT-BGDĐT-BNV-BTC không quá số giờ làm thêm theo quy định của pháp luật.

- Đối với giáo viên làm công tác quản lý hoặc được phân công làm nhiệm vụ tổng phụ trách Đội được tính theo công thức nêu trên, trong đó định mức giờ dạy/năm là định mức giờ dạy/năm của giáo viên cùng cấp học, bộ môn của cơ sở giáo dục đó.

(1) Trường hợp 1: Nhà trường được giao đủ số biên chế giáo viên và nhân viên theo Thông tư số: 16/2017/TT-BGDĐT, ngày 12/7/2017 của Bộ GD-ĐT V/v Hướng dẫn danh mục khung vị trí việc làm và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục phổ thông công lập đối với cấp THCS (1.9 GV/ 1 lớp và đủ số nhân viên theo quy định) thì được tính như sau:

Công thức tính tiền lương dạy thêm giờ:

a) Tiền lương dạy thêm giờ/năm học = số giờ dạy thêm/năm học x Tiền lương 01 giờ dạy thêm;

b) Tiền lương 01 giờ dạy thêm = Tiền lương 01 giờ dạy x 150%;

c) Tiền lương 01 giờ dạy: Đối với giáo viên cơ sở giáo dục phổ thông:

$$\text{Tiền lương 01 giờ dạy} = \frac{\text{Tổng tiền lương của 12 tháng trong năm học}}{\text{Định mức giờ dạy/năm}} \times \frac{\text{Số tuần dành cho giảng dạy}}{52 \text{ tuần}}$$

(2) Trường hợp 2: Nhà trường được giao không đủ số biên chế giáo viên và nhân viên theo Thông tư số: 16/2017/TT-BGDĐT, ngày 12/7/2017 của Bộ GD-ĐT V/v Hướng dẫn danh mục khung vị trí việc làm và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục phổ thông công lập:

Theo mức chi được giao kinh phí đầu năm: - Biên chế chờ được tính lương theo bậc 1 hệ số 2,34 và phụ cấp ưu đãi 35% .

Theo Thông tư số 07/2013/TTLT-BGDĐT-BNV-BTC: - Được tính như sau: $[(2,34 + (2,34 \times 35\%)) \times 2.340.000 \text{ đồng} \times 12 \text{ tháng}] : \{35 \times 19\} \times [35/52] : 86.457 \text{ đồng}.$

Thống nhất mức khoán chi: Số tiền trả được tính theo số tiết, số tiền chi trả/1 tiết tối đa không quá 100.000đ/1 tiết.”

2. Sửa đổi, bổ sung điểm 3.1, khoản 3 điều 4 như sau:

“3. Công tác phí, hội nghị:

3.1. Công tác phí:

Thông tư số 40/2017/TT-BTC; Thông tư số 12/2025/TT-BTC ngày 19/3/2025 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 40/2017/TT-BTC; Nghị quyết số 62/2025/NQ-HĐND ngày 17/7/2025;

a) Thanh toán tiền đi lại

* Đi máy bay:

Thanh toán theo giá vé thực tế (bắt buộc): thanh toán vé hạng phổ thông thông thường.

* Đi đường bộ, đường thủy:

- Thanh toán theo giá vé phương tiện vận tải công cộng tại thời điểm phát sinh chi phí.

- Trường hợp không lấy được vé phương tiện vận tải công cộng, cơ quan quy định mức cụ thể cho từng cung đường như sau:

+ Từ Hạ Long đến trung tâm tỉnh ngoài (1 lượt):

Hà Nội: 300.000 đồng/lượt;

Hải Phòng: 150.000 đồng/lượt;

Bắc Ninh, Hưng Yên: 200.000 đồng/lượt;

Ninh Bình: 200.000 đồng/lượt;

Phú Thọ: 220.000 đồng/lượt;

Thái Nguyên: 240.000 đồng/lượt;

Cao Bằng: 370.000 đồng/lượt.

Đối với các tỉnh, thành phố không thuộc danh sách nêu trên, chi phí phương tiện đi công tác được xác định căn cứ theo mức giá công khai của các hãng vận tải hành khách (xe giường nằm hoặc xe limousine) tại thời điểm lập dự toán, tham khảo trên các trang mạng chính thống. Trường hợp địa điểm công tác ở xa hơn trung tâm các địa phương nêu trên, không có phương tiện vận tải hành khách công cộng, được thanh toán 2.000 đồng/km.

+ Từ trường THCS Kim Đồng đến các địa phương trong tỉnh (*Khoảng cách tham khảo Google Maps theo tuyến đường giao thông dành cho phương tiện ô tô*), cụ thể:

BẢNG KHOẢNG CÁCH

STT	Tên địa phương	Số km
1	Phường Tuần Châu	19
2	Phường Việt Hưng	16
3	Phường Bãi Cháy	7
4	Phường Hoàn Bồ	20
5	Xã Quảng La	34
6	Xã Thống Nhất	13

STT	Tên địa phương	Số km
7	Phường Cẩm Phả	37
8	Phường Quang Hanh	20
9	Phường Cửa Ông	7,7
10	Phường Mông Dương	4,7
11	Phường Móng Cái (1, 2, 3)	139
12	Phường Uông Bí	39
13	Phường Vàng Danh	43
14	Phường Yên Tử	50
15	Phường Đông Triều	64
16	Phường Mạo Khê	57
17	Phường An Sinh	77
18	Phường Hoàng Quế	52
19	Phường Quảng Yên	34
20	Phường Hiệp Hòa	38
21	Phường Đông Mai	31
22	Phường Hà An	31
23	Phường Phong Cốc	56
24	Phường Liên Hòa	35
25	Xã Bình Liêu	104
26	Xã Hoành Mô	119
27	Xã Lục Hồn	105
28	Xã Ba Chẽ	87
29	Xã Kỳ Thượng	50
30	Xã Lương Minh	61
31	Xã Đàm Hà	86
32	Xã Quảng Tân	88
33	Xã Quảng Hà	111
34	Xã Đường Hoa	100
35	Xã Quảng Đức	132
36	Xã Tiên Yên	76
37	Xã Đông Ngũ	82
38	Xã Diên Xá	79
39	Xã Hải Lạng	67
40	Đặc khu Vân Đồn	97

+ Các xã đảo, đặc khu, phí ra vào cảng thanh toán theo giá vé thực tế.

* Cán bộ, công chức, người lao động đi công tác mà tự túc bằng phương tiện cá nhân của mình, được thanh toán khoán tiền tự túc phương tiện theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 5 Thông tư số 40/2017/TT-BTC, được sửa đổi theo khoản 2 Điều 1 Thông tư số 12/2024/TT-BTC.

Mức khoán và cách tính:

- Khoán theo km thực tế.
- Công thức tính: Mức khoán (đồng) = Tổng số km thực tế di chuyển × Đơn giá khoán (đồng/km).
- Đơn giá khoán: Áp dụng mức 2.000 đồng/km và lệ phí cầu đường theo hóa đơn thực tế (nếu có). Đơn giá khoán được xác định căn cứ trên mức giá trung bình dịch vụ vận tải taxi 4 chỗ phổ biến trên thị trường tại thời điểm ban hành quy chế.

b) Thanh toán tiền lưu trú

* Điều kiện khoảng cách từ trụ sở cơ quan đến nơi công tác từ 20 km trở lên, cụ thể:

- Mức phụ cấp lưu trú 200.000 đồng/ngày/người (bao gồm thời gian đi trên đường, lưu trú tại nơi đến công tác).
- Đi công tác làm nhiệm vụ trên biển, đảo: Mức 400.000 đồng/người/ngày (áp dụng cho cả ngày đi, về và ngày làm việc thực tế trên biển, đảo).

* Người đi công tác phải kê khai trung thực, chính xác nội dung và thời gian thực hiện nhiệm vụ, chịu trách nhiệm trước pháp luật.

c) Thanh toán tiền thuê phòng nghỉ:

- Điều kiện khoảng cách từ trụ sở cơ quan đến nơi công tác từ 40 km trở lên.
- Cụ thể, thanh toán theo hình thức khoán:

Đối tượng	Thành phố trực thuộc trung ương (đồng/người/ngày)	Tại tỉnh (đồng/người/ngày)
Cán bộ, công chức, viên chức, người lao động	600.000	300.000

d) Thanh toán khoán tiền công tác phí theo tháng

Đối với kế toán, văn thư phải thường xuyên đi công tác lưu động trên 10 ngày/ tháng thì được thanh toán khoán mức 700.000đ/người/ tháng.

e) Tổ chức thực hiện

Việc thanh toán công tác phí được thực hiện theo đúng nội dung và thời gian quy định tại văn bản đã được phê duyệt.

Thủ trưởng đơn vị căn cứ yêu cầu nhiệm vụ, cân nhắc số lượng, nội dung và thời gian công tác đảm bảo hiệu quả, tiết kiệm.

g) Các trường hợp không thanh toán công tác phí

Thực hiện theo khoản 4 Điều 3 Thông tư 40/2017/TT-BTC, cụ thể:

Điều trị, điều dưỡng; Ngày học đã hưởng chế độ học tập; Ngày làm việc riêng, thường trú, biệt phái; Đã được cơ quan, đơn vị tổ chức bố trí và thanh toán tiền ngủ;;

h) Nội dung và mức chi quy định tại Điều 10: Áp dụng cho nguồn kinh phí chi thường xuyên, các nguồn kinh phí không quy định tại điều này áp dụng theo quy định hiện hành.”

3. Sửa đổi, bổ sung khoản 5 như sau:

“Thực hiện mua sắm theo tiêu chuẩn, định mức quy định tại Quyết định số 15/2025/QĐ-TTg ngày 14/6/2025 của Thủ tướng Chính Phủ quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị; Quyết định 3637/QĐ-UBND ngày 17/9/2018 của UBND tỉnh Quảng Ninh; Quyết định 2497/QĐ-UBND ngày 21/6/2019 của UBND tỉnh Quảng Ninh; Quyết định 3051/QĐ-UBND ngày 18/10/2022 của UBND tỉnh Quảng Ninh. Đối với các thiết bị chuyên dùng trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo, thực hiện mua sắm theo tiêu chuẩn, định mức quy định tại Thông tư số 16/2019/TT-BGGĐT ngày 04/10/2019 hướng dẫn tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng thuộc lĩnh vực giáo dục và đào tạo;

4. Bổ sung điều 5: Phân phối kết quả tài chính trong năm

“- Chi phúc lợi cho đối tượng là Hợp đồng lao động theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP: căn cứ vào khả năng kinh phí có thể tiết kiệm được của đơn vị, hiệu quả công việc và kết quả thực hành tiết kiệm của người lao động (hợp đồng theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP) được thể hiện bằng kết quả xếp loại mỗi tháng (tiêu chí đánh giá, xếp loại theo quy chế xếp loại thi đua nội bộ được thống nhất trong nhà trường). Thủ trưởng đơn vị quyết định chi hỗ trợ phúc lợi cho người lao động (hợp đồng theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP), mức hỗ trợ bằng 70% hệ số theo xếp loại của chi thu nhập tăng thêm dựa trên kết quả xếp loại hàng tháng.

- Chi phúc lợi cho hoạt động tập thể cho viên chức, người lao động trong nhà trường: Hỗ trợ mức 500.000đ/người/lần vào ngày Phụ nữ Việt Nam 20/10, ngày Tết Dương lịch 1/1.”

5. Xóa khoản 2 điều 6: “ Trách nhiệm của công đoàn cơ sở và Ban thanh tra nhân dân”

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày kí ban hành.

Điều 3. Các bộ phận kế toán, các tổ chuyên môn, đoàn thể và toàn thể viên chức, người lao động trong trường có trách nhiệm thi hành quyết định này.

Nơi nhận:

- Phòng giao dịch số 12-KBNN KV III;
- Như điều 3 (t/h);
- Lưu.



Nguyễn Thị Thu Lương